

- ✿ Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình cho vay hỗ trợ lãi suất
- ✿ Cơ sở cho việc ra đời Quỹ bảo vệ người tham gia bảo hiểm tại Việt Nam

Cho vay hỗ trợ lãi suất: SAO CHO HIỆU QUẢ?

PGS., TS. PHẠM QUANG TRUNG

Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Chính phủ Việt Nam đã thông qua “gói kích thích kinh tế” khá lớn, vào khoảng 6 tỷ USD, gồm: giảm, giãn thuế; tài trợ lãi suất 4% cho vay vốn lưu động; đầu tư công, chi an sinh xã hội. Đến thời điểm hiện tại, bên cạnh những tác động tích cực, quá trình triển khai cho vay hỗ trợ lãi suất cũng đã gặp một số vướng mắc. Để triển khai cho vay hỗ trợ lãi suất có hiệu quả, một số giải pháp như tăng cường sự tham gia của khối các NHTMCP trong gói cho vay hỗ trợ lãi suất, tiếp tục xử lý tái cơ cấu nợ trong các NHTM, cải thiện cơ chế thông tin... cần được đặc biệt chú ý.

Bối cảnh thực thi gói kích thích kinh tế

Khủng hoảng tài chính toàn cầu đã tác động sâu sắc đến toàn bộ nền kinh tế thế giới, đặc biệt là các thị trường tài chính. Theo số liệu sơ bộ, tăng trưởng kinh tế Việt Nam quý I/2009 là 3,1%, mức thấp nhất kể từ mười năm qua. Những khu vực chịu sự suy giảm mạnh nhất là xuất khẩu, sản xuất công nghiệp và khu vực FDI. Dự báo, tăng trưởng quý II/2009 có thể đạt mức 4-4,5%, Quý III/2009 là 5-5,5% và quý IV/2009 là 5,5-6%. Tính chung cả năm 2009, tăng trưởng kinh tế có thể đạt mức trên dưới 5%. Theo TS. Lê Xuân Nghĩa, nếu tăng trưởng kinh tế hằng quý đúng như dự báo trên thì đây suy giảm kinh tế nước ta có lẽ là quý I và một phần quý II/2009. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu hiện nay, những chỉ tiêu như trên dù sao vẫn được coi là những tia sáng.

Chính phủ Việt Nam đã thông qua “gói kích thích kinh tế”

khá lớn, vào khoảng 6 tỷ USD, tương đương 7,5% GDP năm 2008, gồm: giảm, giãn thuế; tài trợ lãi suất 4% cho vay vốn lưu động; đầu tư công, chi an sinh xã hội. Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp cũng được xem là một hướng giải pháp kích cầu có tính khả thi. Các danh mục kích thích kinh tế được triển khai khẩn trương, đặc biệt là hỗ trợ lãi suất và giảm, giãn thuế. Gói đầu tư công về cơ bản đã phân bổ xong nguồn tiền. Bên cạnh đó, các giải pháp tài trợ an sinh xã hội đã và đang được thực hiện như điều chỉnh lương, bảo hiểm thất nghiệp, tài trợ việc làm.

Trong giai đoạn đầu tiên, gói tài trợ lãi suất 4% chỉ áp dụng cho vốn lưu động, do đó hạn chế tác động đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản và phát triển cơ sở hạ tầng. Nhiều nhà kinh tế cho rằng, thời điểm hiện tại đang là cơ hội tốt nhất để đổi mới công nghệ, kỹ thuật với chi phí thấp và trả chậm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong tương lai.

Việc triển khai gói hỗ trợ lãi suất không thể tách rời việc thực thi chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa. Trước mắt, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã và đang tiếp tục điều chỉnh chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng một cách linh hoạt, tăng cung tiền có kiểm soát và không gây ra các đột biến. Năm 2007, cung tiền cho nền kinh tế tăng 43%, dư nợ tín dụng tăng 54%, song, năm 2008, cung tiền chỉ tăng 16,3%, dư nợ tín dụng tăng 21%.

Thị trường tiền tệ - tín dụng thời gian qua đã có những diễn biến hết sức khó lường, luôn xuất hiện các yếu tố mới nằm ngoài dự đoán. Năm 2008, thị trường tín dụng nóng lên với sự gia tăng kỳ lục của các mức lãi suất. Thậm chí, có giai đoạn lãi suất được đẩy lên đến 21% - 22%/năm. Nhiều người dự đoán tình trạng mất thanh khoản của các ngân hàng thương mại (NHTM) sẽ diễn ra nặng nề, kéo dài với các mức lãi suất cao trong nhiều tháng. Tuy nhiên, với tác động

SỐ DƯ THỰC HIỆN CHO VAY HỖ TRỢ LÃI SUẤT TÍNH ĐẾN NGÀY 7/5/2009

TT	Chi tiêu	Số dư (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	Tổng mức cho vay Hỗ trợ lãi suất		
	Trong đó:	276.673,17	100,00%
2	- Nhóm NHTM nhà nước & Quỹ tín dụng ND	198.814,04	71,86%
3	- Nhóm NHTM Cổ phần	60.281,51	21,79%
4	- Nhóm NH liên doanh, NH nước ngoài	11.839,76	4,28%
5	- Nhóm Công ty tài chính	1.007,95	3,64%

của chính sách nói lỏng tiền tệ, lãi suất bình quân trên thị trường tín dụng đã hạ xuống nhanh hơn dự đoán và hầu hết các NHTM đã duy trì được khả năng thanh toán. Đến quý I/2009, thị trường tiền tệ đã được kiểm soát khá hợp lý, mềm dẻo hơn và có vận động tích cực trong bối cảnh thực thi chính sách chống suy giảm kinh tế.

Tác động tích cực và những vướng mắc trong quá trình cho vay hỗ trợ lãi suất

Các giải pháp kích cầu cần phải có thời gian để phát huy tác dụng. Tuy nhiên, đến tháng 4/2009 đã xuất hiện những dấu hiệu rất khả quan, cho thấy những tác động tốt của gói giải pháp chống suy thoái kinh tế của Chính phủ. Có thể nêu tóm tắt như sau:

Thứ nhất: Diễn biến của mặt bằng lãi suất đã khá hợp lý và thúc đẩy luồng vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Mức lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng phổ biến ở mức 8% - 8,5%/năm (tháng 3/2009). Lãi suất cho vay nhờ đó tương đối ổn định, phổ biến ở mức 10-12%/năm, trừ các trường hợp đặc biệt.

Thứ hai: Diễn biến tỷ giá hối đoái (VND/USD) được kiểm soát và điều chỉnh "mềm" theo hướng có lợi cho xuất khẩu. Tỷ giá có thay đổi nhưng trong biên độ chấp nhận được và hầu như ít gây đột biến so với năm 2007-2008.

Thứ ba: TTCK có dấu hiệu hồi phục, VN Index ngày 25/5/2009 đạt hơn 420 điểm, như vậy tăng khoảng 80% so với mức thấp nhất (235 điểm). Tính thanh khoản và tâm lý trên thị trường tài chính đã có diễn biến tích cực, niềm tin được cải thiện rõ nét so với đầu năm 2009. Với tư cách là hàn thủ biểu tâm lý trên thị trường tài chính, sự phục hồi của VN-Index phản ánh kỳ vọng tích cực vào khả năng phục hồi kinh tế.

Thứ tư: Thị trường bất động sản đã

có một số dấu hiệu cải thiện tích cực, song vẫn đang trong tình trạng tương đối khó khăn, giao dịch trầm lắng, chưa có sự phục hồi đáng kể.

Như một bước đi tiếp theo, ngày 04/4/2009, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 443/QĐ-TTg về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn để thực hiện đầu tư mới, phát triển sản xuất kinh doanh, kết cấu hạ tầng. Các đối tượng thực hiện hỗ trợ lãi suất là các ngân hàng thương mại (NHTM), như quy định tại Quyết định số 131 trước đó, các công ty tài chính theo quy định tại Quyết định số 333. Ngoài ra, Ngân hàng Phát triển Việt Nam được thực hiện hỗ trợ lãi suất cho các đối tượng cho vay ưu đãi với các mức lãi suất hỗ trợ quy định.

Đối tượng áp dụng của chính sách mới này là các khoản vay trung, dài hạn bằng VND (theo các hợp đồng tín dụng ký kết trước và sau ngày 1/4/2009 của các tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất kinh doanh, kết cấu hạ tầng) được thực hiện theo quy định của NHNN về chế độ báo cáo thống kê thuộc các ngành và lĩnh vực kinh tế. Theo Quyết định 443, nguyên tắc hỗ trợ lãi suất là các NHTM, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, công ty tài chính cho vay vốn trung, dài hạn để thực hiện đầu tư mới phát triển sản xuất kinh doanh, kết cấu hạ tầng theo cơ chế cho vay thông thường, thực hiện hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của NHNN. Thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 24 tháng. Việc hỗ trợ lãi suất được thực hiện từ ngày 1/4/2009 đến ngày 31/12/2011. Mức lãi suất hỗ trợ tiền vay là 4%/năm, tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế trong khoảng thời gian nói trên.

Theo NHNN Việt Nam, tổng dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất đến ngày

7/5/2009 là 276.673 tỷ đồng. Trong đó, dư nợ cho vay của nhóm NHTM nhà nước và Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương là 198.814 tỷ đồng; nhóm NHTMCP là 60.281 tỷ đồng; nhóm ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và ngân hàng 100% vốn nước ngoài là 11.839 tỷ đồng; công ty tài chính là 1.007 tỷ đồng.

Bên cạnh những tác động tích cực, quá trình triển khai cho vay hỗ trợ lãi suất cũng đã gặp một số vướng mắc sau:

- Trong bối cảnh thị trường thế giới sụt giảm nghiêm trọng và tác động trực tiếp đến lĩnh vực xuất khẩu của nhiều ngành trong nước, chúng ta buộc phải điều chỉnh chiến lược thị trường theo hướng khai thác mạnh mẽ nhu cầu trong nước. Tuy nhiên, các nhóm đối tượng bị ảnh hưởng mạnh nhất từ suy giảm kinh tế là công nhân, điển hình là công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, người có thu nhập thấp, nông dân (chiếm trên 60% dân số) nhất là người dân vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn. Trên thực tế, việc đưa luồng tiền kích cầu vào các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa thường gặp nhiều khó khăn và hiệu quả lan tỏa không lớn so với khu vực công nghiệp.

- Thủ tục đầu tư trong xây dựng cơ bản còn rườm rà, phức tạp, gây hiệu quả thấp. Nhiều dự án thời gian qua giải ngân chậm, nhiều nguồn vốn như trái phiếu giáo dục triển khai chậm, vấn đề thanh toán, văn bản pháp quy còn chồng chéo...

- Sự suy thoái của TTCK trong nước đã tác động rất lớn đến nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các công ty cổ phần. Nhiều công ty niêm yết và các công ty đại chúng đã không thể huy động được vốn từ đầu năm 2008 cho đến nay.

- Trong quá trình thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất, xuất hiện hiện tượng "đào nợ" (không công khai) của một số doanh nghiệp nhằm hưởng lợi từ khoản vay lãi suất thấp. Một số doanh nghiệp đã vay với lãi suất cao trong năm 2008 (có thể lãi suất vay cao tới trên 20% -21%/năm) sẽ tìm cách trả nợ cũ bằng chính khoản tiền vay mới. Đây là một chi tiết cần được nghiên cứu để kiểm soát tốt sự vận động thực sự của luồng tiền được giải ngân vào sản xuất kinh doanh nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế.

- Thời gian thực hiện cho vay hỗ trợ



lãi suất cho thấy, một số ngân hàng thương mại có tâm lý lo ngại bị thanh tra các hồ sơ cho vay. Các doanh nghiệp được vay phải phù hợp với đối tượng quy định. Nếu hồ sơ cho vay không được thanh tra NHNN chấp nhận thì ngân hàng cho vay gặp rủi ro, có thể không được nhận khoản khấu trừ lãi suất 4% theo quy định.

- Nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiếp cận vốn vay hỗ trợ lãi suất vì không đạt chuẩn vay (doanh nghiệp không đủ tiêu chuẩn theo quy định để ngân hàng cho vay). Theo ông Vũ Duy Thái (Hiệp hội Công thương TP Hà Nội): "Có những doanh nghiệp gặp khó khăn, chưa "chết hẳn" đang rất cần vốn nhưng lại khó lòng vay vốn được vì không đủ điều kiện để ra". Như vậy, hiệu quả hỗ trợ lãi suất không đến được đông đảo doanh nghiệp.

Nhiều ý kiến từ phía các NHTM cho rằng, muốn nhiều doanh nghiệp được hỗ trợ thì NHNN phải cho phép các NHTM hạ thấp một số điều kiện cho vay. Có như vậy, khoản hỗ trợ mới đến được với doanh nghiệp đang có những khó khăn tạm thời, chưa đủ điều kiện vay. Tuy nhiên, nếu hạ thấp tiêu chuẩn thì có nguy cơ gia tăng nợ xấu và đẩy rủi ro tín dụng lên mức cao.

- Về thủ tục, theo Quy định của NHNN, khi thực hiện giảm trừ lãi tiền vay hỗ trợ lãi suất cho khách hàng, các ngân hàng phải lập "Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất". Giấy xác nhận được lập đối với từng lần thu lãi cho vay và giảm trừ số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất hoặc theo định kỳ hàng tháng. Đây là một trong những chứng từ để kiểm tra, giám sát và lập báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất. Khi thanh toán lãi suất và vốn vay, để được hỗ trợ lãi suất, các doanh nghiệp phải có tất cả các giấy tờ kinh doanh như hóa đơn, chứng từ liên quan đến tiền thanh toán từ khoản vay để chứng minh vốn sử dụng đúng mục đích. Nếu doanh nghiệp không chứng minh được vốn sử dụng đúng mục đích hay bị phát hiện sử dụng vốn sai mục đích sẽ bị dừng cho vay. NHNN cũng yêu cầu các NHTM phải theo dõi hàng ngày số dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất. Trên thực tế, vì những lý do khác nhau, có một số doanh nghiệp cho biết đã gặp những khó khăn về thủ tục khi tiếp cận nguồn vốn vay hỗ trợ lãi suất.

- Đối với ngành thủy sản, việc triển khai cho vay hỗ trợ lãi suất cũng còn

gặp một số khó khăn về cơ chế thủ tục. Nhiều doanh nghiệp và hộ nuôi cá tra ở đồng bằng Sông Cửu Long cho biết: Ngân hàng yêu cầu bên vay phải xuất trình hợp đồng bao tiêu sản phẩm như một điều kiện để được vay vốn hỗ trợ lãi suất. Yêu cầu này là phù hợp với nghiệp vụ quản trị rủi ro tín dụng mà các ngân hàng cần xem xét. Tuy nhiên, hiện nay trên thực tế, nhiều doanh nghiệp không thể xuất trình ngay các hợp đồng bao tiêu đầu ra, mặc dù khả năng tiêu thụ sản phẩm là rất khả quan. Nên chăng có giải pháp thay thế để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp và hộ gia đình nuôi cá tra giống, nhất là khi họ đang gặp khó khăn như hiện nay, bởi đây là một lĩnh vực sản xuất kinh doanh đóng góp khá lớn vào kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Một số giải pháp triển khai cho vay hỗ trợ lãi suất có hiệu quả

1. Cần tăng cường sự tham gia của khối các NHTMCP trong gói cho vay hỗ trợ lãi suất. Tỷ trọng dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất của khối này mới chiếm 21,7% so với tổng số dư nợ đã thực hiện, mặc dù tiềm năng của toàn bộ các NHTMCP còn rất lớn. Lãnh đạo của một số NHTMCP cho biết, các ngân hàng vẫn có sự e ngại về thủ tục và thẩm định của NHNN đối với các hợp đồng cho vay hỗ trợ lãi suất nên tham gia chưa thật cao như mức có thể. Do đó, cần tiếp tục tháo gỡ các vấn đề mang tính thủ tục, kỹ thuật để các NHTMCP vào cuộc mạnh mẽ hơn. Khối các công ty tài chính (mới chiếm 3,64% dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất) cũng cần được chú ý tạo điều kiện để có thể tham gia mạnh mẽ hơn trong quá trình triển khai gói kích cầu của Chính phủ.

2. Tiếp tục nghiên cứu xử lý tái cơ cấu nợ trong các NHTM theo hướng linh hoạt, chấp nhận sự điều chỉnh lãi suất theo tín hiệu thị trường. Vấn đề trả nợ cũ để vay nợ mới của một số doanh nghiệp vẫn chưa có giải pháp rõ ràng, mặc dù NHNN cho biết không chấp nhận "đảo nợ". Tuy nhiên, trong điều kiện thị trường đặc biệt như hiện nay, cần thẳng thắn nhìn nhận hiện tượng tái cơ cấu nợ theo quan điểm linh hoạt hơn, để các ngân hàng tránh bị rơi vào trạng thái cung ứng tín dụng sai quy định hoặc bị gò cứng, mất đi tính linh hoạt trong hoạt động cung ứng tín

dụng cho thị trường.

3. Cải thiện cơ chế thông tin trên thị trường nhằm tăng cường lòng tin của người tiêu dùng và hạn chế các tin đồn thất thiệt, có thể gây ra các cơn sốt và đầu cơ "tin vịt" gây nhiễu loạn thị trường. Đặc biệt là với các thị trường nhạy cảm như thị trường ngoại hối, thị trường vàng, TTCK. Đối với TTCK, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý thị trường, minh bạch thông tin, bảo vệ lợi ích chính đáng của các nhà đầu tư; Nền tiếp tục tạo động lực cho TTCK thông qua việc giãn và miễn thuế thu nhập cá nhân trong đầu tư chứng khoán trong 2 năm 2009-2010; Tạo thuận lợi để các công ty niêm yết và công ty cổ phần nói chung nâng cao tính hấp dẫn của cổ phiếu, nhờ đó có thể huy động vốn trên TTCK. Kích thích TTCK phục hồi sẽ có tác động tích cực đến toàn bộ thị trường tài chính, thị trường bất động sản và thị trường hàng tiêu dùng.

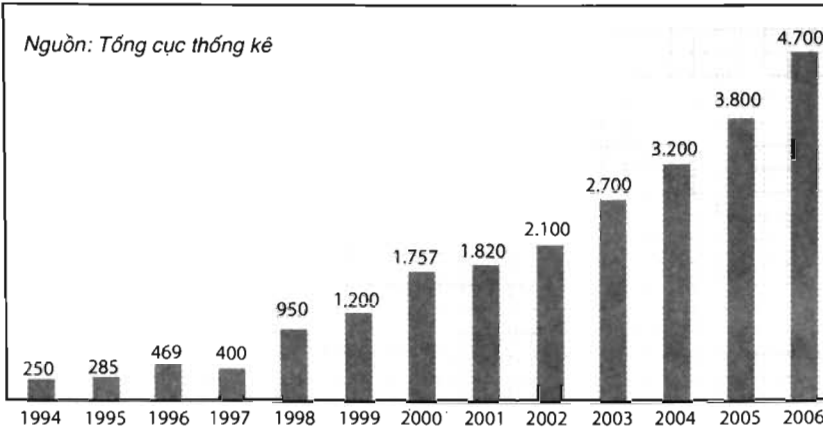
4. Cần triển khai tốt Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 4/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng để thực hiện đầu tư mới, phát triển sản xuất kinh doanh, kết cấu hạ tầng. Cần thực sự hướng luồng tiền vào khu vực xây dựng và ngành vật liệu xây dựng (xi măng, sắt thép, gạch ngói, vật liệu xây dựng khác). Theo đánh giá và phân tích trên thực tế, nếu luồng vốn hỗ trợ lãi suất 4% của Chính phủ được rót vào khu vực xây dựng thì tác động nhân bội (Multiplier impact) của số vốn này sẽ lớn hơn nhiều ngành khác, tạo ra được nhiều việc làm và thu nhập cho chuỗi sản xuất, dịch vụ có liên quan. Các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng sẽ duy trì được sản xuất và thu nhập, đến lượt mình, sẽ tạo thêm sức cầu nội địa cho các doanh nghiệp cung ứng khác.

5. Cần tiếp tục thuận lợi hoá quá trình tiếp cận các nguồn vốn, đơn giản hóa quy trình thủ tục cho doanh nghiệp vay vốn. Kiến nghị sửa một số điều của Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đất đai... để tạo điều kiện thông thoáng và hiệu quả cho các hoạt động đầu tư và tăng nhanh tốc độ giải ngân. Trong một số trường hợp đặc thù (như cho vay hỗ trợ doanh nghiệp nuôi cá tra giống ở đồng bằng Sông Cửu Long) thì NHNN nên cho phép các NHTM sử dụng các công cụ thay thế bảo đảm



BIỂU ĐỒ 2: LƯỢNG KIỀU HỐI QUA CÁC NĂM (TRIỆU USD)

Nguồn: Tổng cục thống kê



tế và an sinh xã hội, Việt Nam còn đi sau Trung Quốc khá nhiều. Vì vậy, có lý do để tin tưởng người Việt Nam sẽ còn tiếp tục duy trì một tỷ lệ tiết kiệm cao trong thời gian tới.

Nhận định trên đúng với xu hướng được thể hiện trên biểu đồ 1. Nhìn chung mức tiết kiệm của người dân Việt Nam đang trong xu hướng tăng và chưa có dấu hiệu đảo chiều. Giai đoạn 2001-2003, tiết kiệm có giảm xuống là do tác động của chính sách kích cầu 1999-2003, làm cho tỷ lệ tiêu dùng của hộ gia đình tăng lên. Tuy nhiên, để duy trì xu hướng tăng cường tiết kiệm này, Chính phủ cần hết sức chú ý tới hai phương diện xã hội:

Một là, cần có biện pháp tăng cường niềm tin của dân chúng đối với Chính phủ. Có như vậy, người dân mới tiếp tục ủng hộ những biện pháp và chính sách thúc đẩy tiết kiệm của Chính phủ. Chính phủ cần đặc biệt chú ý tới công cuộc chống tham nhũng, lãng phí, cải cách hành chính để đơn giản hoá thủ tục vì đây là những vấn đề gây bức xúc nhất đối với người dân.

Hai là, cùng với những tiến bộ về kinh tế, đời sống nhân dân được cải thiện một bước. Một trào lưu tiêu dùng đã và đang xuất hiện, thể hiện qua việc nhập khẩu máy bay cá nhân, ô tô đắt tiền, qua việc bùng nổ đi du lịch và khám chữa bệnh ở nước ngoài, qua việc bùng nổ các nhà hàng và địa điểm ăn uống v.v... Nếu không có những chính sách phù hợp và nền tảng giáo dục cần thiết, trào lưu tiêu dùng này sẽ thiêu rụi ý thức tiết kiệm của người dân.

Ngoài ra, cần lưu ý là trong phần thu nhập của hộ gia đình, tiền lương và có tính chất lương chi chiếm

khoảng trên 80%. Các khoản chuyển nhượng hiện hành, trong đó phần lớn là kiều hối chiếm tới trên 15% trong năm 2007. Trong giai đoạn 1995 – 2006, có 23,4 tỷ USD kiều hối được chuyển về nước bằng 31% nguồn vốn FDI và lớn hơn nguồn ODA giải ngân. Lượng kiều hối tăng mạnh lên 5,5 tỷ USD vào năm 2007 và 8 tỷ USD vào năm 2008. Chính sách thu hút kiều hối của Việt Nam những năm gần đây là hết sức thông thoáng. Người dân hoàn toàn công khai, minh bạch nhận tiền kiều hối chuyển qua hệ thống ngân hàng mà không phải giải trình hay nộp bất cứ loại thuế nào. Tuy nhiên, cái nhà nước cần làm không chỉ là tạo sự thông thoáng cho dòng kiều hối chảy về mà phải khơi được tình cảm và sự gắn bó của bộ phận người Việt Nam định cư ở nước ngoài, làm cho họ thấy tự hào và có trách nhiệm cũng như quyền lợi khi có đóng góp cho tổ quốc thông qua kiều hối.

• Tiếp theo tr. 48

luồng tiền trả nợ. Chẳng hạn, có thể chấp nhận bằng các tài liệu đánh giá tín dụng kết hợp với tín chấp của địa phương. Nếu như tính khả thi và hiệu quả khoản vay được phân tích rõ ràng thì có thể xem xét hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực này.

6. Nhà nước nên tăng cường dài hạn "chương trình khuyến khích phát triển thị trường nội địa", ưu tiên cho một số ngành mà tiềm năng đầu ra nội địa rất lớn và ngành sử dụng nhiều lao động. Có thể nêu ra các ngành như: dệt may, da giày, thủ công nghiệp, nhựa dân dụng, chế biến nông sản, thủy sản. Trước đây, nhiều doanh nghiệp quá chú

Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Xuân Thanh, "Tiết kiệm hộ gia đình ở Việt Nam", Viện kinh tế Việt Nam.
2. GS.TS. Nguyễn Văn Thường, GS.TS. Nguyễn Kế Tuấn, "Kinh tế Việt Nam năm 2006 - Chất lượng tăng trưởng và hội nhập kinh tế quốc tế". Nhà xuất bản đại học Kinh tế Quốc dân, 2007.
3. Harvard University, John F. Kennedy School of Government, Một khuôn khổ chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.
4. Modigliani F, "Vòng đời, tiết kiệm cá nhân và của cải của các quốc gia. Các thuyết trình tại lễ trao giải thưởng Nobel về khoa học kinh tế 1981-1990". Nxb Chính trị Quốc gia, H.: 2000.
5. Nguyễn Ngọc Sơn, "Tiết kiệm - đầu tư và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam", Diễn đàn Phát triển Việt Nam
6. Phạm Đỗ Chí và Trần Nam Bình, Kinh tế Việt Nam bước vào thế kỷ XXI
7. Economic Intellegent Unit, Country report for Vietnam, 2/2009
8. IMF, Executive Board Concludes 2008 Article IV Consultation with Vietnam, 3/2009
9. Cass, David, "Optimal growth in an Aggregate Model of Capital Accumulation", Review of Economics studies Magazine, 32, 1965.
10. Louis Kuijs, How will China's saving - investment balance evolve? WB China Research Paper, May 2006.
11. Mario Gutierrez, Andrés Solimano, Savings, Investment and growth in the global age: Analytical and Policy Issues. Working Paper N. 43, The American University of Paris.
12. P. Mansson, J. Bayoumi and H. Samiei (1998), International Evidence on the Determinants of Private Saving, The World Bank Economic Review, September.
13. Solow, Robert (1956) "A contribution to the Theory of Economic Growth" Quarterly Journal of Economics 70 (February).
14. WB, Taking Stock, An Update on Vietnam's Recent Economic Developments. Report for the
15. Consultative Group Meeting for Vietnam.

trọng vào xuất khẩu nên đã để ngỏ thị trường nội địa cho nhiều hàng hoá nhập khẩu từ Trung Quốc, Thái Lan, Đài Loan, Hàn Quốc... Ngân sách nhà nước nên dành ngân khoản đặc biệt cho "Chương trình khuyến khích phát triển thị trường nội địa" như là một khoản "kích cầu" đặc thù. Đây có thể coi là một giải pháp đòn bẩy tài chính trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu. ☛

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước về triển khai cho vay Hỗ trợ lãi suất. (4/2009)
2. Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) - Thông tin thị trường giao dịch
3. Phân tích thị trường chứng khoán của FPT, tháng 4/2009.